TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÀNG LONG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 162/2024/QĐST-DS	*Càng Long, ngày 02 tháng 5 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 19 tháng 4 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 253/2024/TLST-DS, ngày 01 tháng 4 năm 2024 về vụ "*Tranh chấp hợp đồng dân sự về hụi"*.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lê Thị N, sinh năm 1969. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm 1967 (theo văn bản uỷ quyền ngày 01/02/2024). Cùng địa chỉ: ấp G, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Thủy T1(tên gọi khác T2), sinh năm 1991. Địa chỉ: ấp G, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về số tiền phải trả: Chị Nguyễn Thị Thủy T1 tự nguyện trả cho bà Lê Thị N 3.671.000 đồng *(Ba triệu, sáu trăm, bảy mươi mốt nghìn đồng)* tiền hụi đóng vào của dây hụi tháng mệnh giá 500.000 đồng, xác lập ngày 25/10/2022 âm lịch (dây 18 phần). Ông T thống nhất số tiền do chị T1 trả cho bà N.

Về thời gian trả: Ông Trần Văn T và chị Nguyễn Thị Thủy T1 tự nguyện thỏa thuận do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long giải quyết theo quy định của pháp luật Thi hành án dân sự.

Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án), hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Văn T và chị Nguyễn Thị Thủy T1 tự nguyện thoả thuận mỗi bên chịu 50% tiền án phí.

Do đó, bà Lê Thị N nộp 75.000 đồng *(Bảy mươi lăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm nhưng được cấn trừ vào 300.000 *(Ba trăm nghìn đồng)* đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số 0002502 ngày 27/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Càng Long thu, bà N được nhận lại 225.000 đồng *(Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng)* tiền chênh lệch. Chị Nguyễn Thị Thủy T1 nộp 75.000 đồng *(Bảy mươi lăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện huyện Càng Long;
- CCTHADS huyện Càng Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Trang